

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/03/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMID+TD5+CTK3	7:25	22+0+0	0+0+0		21+0+1	0+0+0	chuyen 1 Td5- ctk3
2		VSP01+AMID	7:25	19+3	0+0		19+3	0+0	
3		TGTH5+AMID	9:25	6+15	0+0		6+9	0+0	
4		BK14+P2+VSP01	9:25	6+3+12	0+0+0		0+1+10	0+0+0	
5		T.UNG	12:00	19	0		16	0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:AMD - TD5 - CTK3	CREW: HUNG - N.ANH - THU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1046	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LAI VAN MANH	AMD	46-47	2	20			76	XAYLAP	Vietnamese
2	DO VAN NAM	AMD	62	1	13	1	13	75	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAM VAN AN	AMD	68-69	2	14			67	HLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC TAN	AMD	72	1	5			73	TLJOC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN AN	AMD	70	1	8			56	KH-THAC	Vietnamese
6	DO TRUNG KIEN	AMD	67	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC ĐỨC	AMD	60	1	5			93	KH-THAC	Vietnamese
8	LE ĐỨC TÂM	AMD	64	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐÌNH HIỆU	AMD	51	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN SON	AMD	52-53	2	11			66	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI TRAN LIEM	AMD	54	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TAN	AMD	58	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HONG LINH	AMD	61	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
14	TANG XUAN HAI	AMD	49	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUU THAO	AMD	48	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC THU	AMD	65	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
17	VU NGOC DUONG	AMD	66	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	50	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
19	TANG VAN BA	AMD	59	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN MANH CAN	AMD	71	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
21	LE XUAN TUAN	AMD	56-57	2	12			63	KH-THAC	Vietnamese
22	DUONG MANH PHU	AMD	55	1	12			77	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	22	1.549	26	169	1	13	21		
2	TD5	0	0	0	0	0	0	0 + 1		CHUYEN 1 PAX TD5-CTK3
3	CTK3	0	0	0	0	1	12	1		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.549</b>	<b>26</b>	<b>169</b>	<b>2</b>	<b>25</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.549</b>		<b>169</b>		<b>25</b>			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
NGHIÊM VIỆT ANH





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:VSP01 - AMD	CREW: VIỆT - SON - DTÙNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1050	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	CHERNYSHEV V.A.	VSP01	77	1	12	1	15	119	KH-THAC	Russian
2	VÔ QUANG HUY	VSP01	42	1	10	1	11	78	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯƠNG THANH PHÚ	VSP01						67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP01	21	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	98	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ XUÂN ĐỨC	VSP01	99	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01	97	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	78	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	500	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TRỌNG CHUNG	VSP01	99	1	6			86	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	44	1	10	1	11	87	KH-THAC	Vietnamese
12	DOAN VIỆT ĐĂNG	VSP01	48	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN DUY BÌNH	VSP01	49	1	5			92	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG BA ĐIỀU	VSP01	75-76	2	8			59	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN SỸ HIỆU	VSP01	96	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIỀN HIỆP	VSP01	79,82	2	12			69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG MINH	VSP01	95	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN THÈ CUÔNG	VSP01	20	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	VSP01	46	1	10	1	19	70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	AMD	77	1	13			76	KH-THAC	Vietnamese
21	NGÔ TRI HÙNG	AMD	78	1	13			60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGÔ VĂN BÁC	AMD	79	1	7	2	30	70	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP01	19	1.470	20	129	4	56	19		
2	AMD	3	206	3	33	2	30	3		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.676</b>	<b>23</b>	<b>162</b>	<b>6</b>	<b>86</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.676</b>		<b>162</b>		<b>86</b>			

GRAND TOAL: 1.924 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT  
PHẠM THÁI SƠN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TGTH5 - AMD	CREW: HUNG - N.ANH - THU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1047	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRAN MINH KIEN	TGTH5	67	1	7			68	HLJOC	Vietnamese
2	LE THANH DANH	TGTH5	59-60	2	12			65	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI THANH THAO	TGTH5	66	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN LUONG HA NAM	TGTH5	61-63	3	14			79	KH-THAC	Vietnamese
5	VU XUAN DUC	TGTH5	64-65	2	16			71	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN VAN TUAN	TGTH5	58	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN HUU PHUOC	AMD	51-52	2	16			68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TRAI	AMD	53	1	14			65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN GIAC UNG	AMD	50	1	7			91	KH-THAC	Vietnamese
10	PHUNG QUANG DAI	AMD	63-64	2	13			77	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN XUAN LOC	AMD	69-70	2	16			69	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN HAI NAM	AMD	54	1	10			81	XAYLAP	Vietnamese
13	LE VAN BAO	AMD	56-57	2	18			76	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN SY	AMD	65-66	2	13			71	XAYLAP	Vietnamese
15	TRINH HONG SON	AMD	58	1	12			63	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN VIEN	AMD	59-60	2	17			71	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI MANH HA	AMD	62	1	5	1	18	92	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN HUY CUONG	AMD	71-72	2	20			53	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM NGOC HOA	AMD	67-68	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN VAN VINH	AMD	49	1	6			67	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VU DUYEN	AMD	55	1	7			68	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TGTH5	6	434	10	65	0	0	6		
2	AMD	15	1.075	23	194	1	18	9		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.509</b>	<b>33</b>	<b>259</b>	<b>1</b>	<b>18</b>	<b>15</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.509</b>		<b>259</b>		<b>18</b>			

GRAND TOTAL: 1.786 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
NGHIÊM VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: BK14 - P2 - VSP01	CREW: VIỆT - SON - DTÙNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/1051	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐỖ VĂN ĐỊNH	BK14	86	1	15	2	40	70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HAI	BK14	84-85	2	12			59	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN PHI BĂNG	BK14	79-80	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG VĂN MẠNH	BK14	83	1	15			65	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ BĂNG	BK14	81-82	2	12			55	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐÌNH QUANG SƠN	BK14	77-78	2	16			55	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TUẤN TU	BK14	87	1	6			53	PSV	Vietnamese
8	DUONG HOANG LONG	P2	42-43	2	14	1	13	69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THƯA THAI	P2	40	1	9	2	30	66	CODIEN	Vietnamese
10	ĐỖ ĐỨC ANH	P2	41	1	16	2	30	82	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ HỮU HA	VSP01	51-52	2	7			71	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN THUY	VSP01	54	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH VĂN THƠN	VSP01						70	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ BA TRINH	VSP01	57-58	2	16			76	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP01	55	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP01	56	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ANH TUẤN	VSP01						73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	48	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH THĂNG	VSP01	50	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN KIM	VSP01	53	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU THÔNG	VSP01	49	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

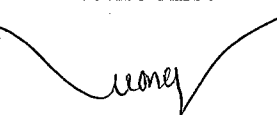
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	7	417	11	96	2	40	0		
2	P2	3	217	4	39	5	73	1		
3	VSP01	11	749	11	59	0	0	10		
TOTAL		21	1.383	26	194	7	113	11		
WEIGHT KG			1.383		194		113			

GRAND TOAL: 1.690 KGS

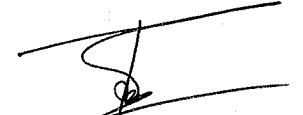
VSP REP.

  
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

  
BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

  
NGUYỄN QUANG VIỆT  
PHẠM THÁI SƠN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 12:00
B.CARD: VANG-2	TO: T.UNG	CREW: HHẢI - VUÔNG	ETA: 15:15
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1043	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	FEDORCHENKO V.	T.UNG	61-62	2	12			82	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN TRUNG KIÊN	T.UNG	48	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔ MINH DƯƠNG	T.UNG	67	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VŨ QUYÊN	T.UNG	56	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	55	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH TRI	T.UNG	46	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ TIÊN VINH	T.UNG	64	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	50	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
9	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG	51	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	57	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN BĂNG	T.UNG	58-59	2	11			72	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HIỆP	T.UNG	47	1	4			89	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	T.UNG	49	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI QUÂN	T.UNG	45	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐỨC ĐÔNG	T.UNG	52	1	3			81	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỜNG THANH HỘI	T.UNG	60	1	6			56	NHATHAU	Vietnamese
17	NGUYỄN CHÍ CÔNG	T.UNG	63	1	8			73	NHATHAU	Vietnamese
18	IUKHIMCHUK A.G.	T.UNG	54	1	12			82	KH-THAC	Russian
19	TRẦN VĂN HUY	T.UNG	53	1	14	2	15	76	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	19	1.350	21	135	2	15	16		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.350</b>	<b>21</b>	<b>135</b>	<b>2</b>	<b>15</b>	<b>16</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.350</b>		<b>135</b>		<b>15</b>			

GRAND TOAL: 1.500 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ HOÀNG HẢI  
TRẦN HÙNG VƯƠNG

